

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **88/2018/HSPT**

Ngày: 06/11/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Ông Phạm Tấn Hoàng và ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa công khai để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 83/2018/TLPT-HS ngày 18/9/2018, do có kháng cáo của bị cáo Lương Văn B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2018/HSST ngày 08/08/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

*** Bị cáo có kháng cáo:** **Lương Văn B**, sinh năm 1966; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố T, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lương N (chết) và bà Lê Thị T (chết); có vợ Võ Thị Thanh T, sinh năm 1968 và 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Các bị cáo bị kháng nghị:**

1. Trần Sơn H (tên gọi khác: Trần Văn M; Hải S; Hải Rau C), sinh năm 1955; tại tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 21, khu vực 4, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T (chết) và bà Phạm Thị K, sinh năm 1929; có vợ Phạm Thị S, sinh năm 1954 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 23/09/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 14 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” (chưa được xóa án tích); nhân thân: Ngày 22/07/2014 bị Tòa án nhân dân

huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”; bị cáo tại ngoại; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Sơn H:* Bà Bà Nguyễn Thị Khánh D - Trợ giúp viên pháp lý, do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên cử; có mặt.

2. Cao Hoài P, sinh năm 1956; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Khu phố N, phường 9, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Cao I (chết) và bà Ngô Thị L, sinh năm 1937; vợ trước Huỳnh Thị N, sinh năm 1959 (đã ly hôn); vợ sau Huỳnh Thị Bích L, sinh năm 1970 và 05 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Phạm Quý T, sinh năm 1969; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phạm C (chết) và bà Hồ Thị T (chết); có vợ Trần Thị S, sinh năm 1970 và 04 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu K (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937; có vợ Đặng Thị Cẩm T, sinh năm 1974 và 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Võ Hồng C, sinh năm 1980; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Võ S, sinh năm 1952 và bà Hồ Thị T, sinh năm 1957; có vợ Nguyễn Thu T, sinh năm 1985 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. Lê Việt H, sinh năm 1960; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lê C (chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1922; có vợ Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1968 và 02 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

7. Đinh Văn Đ, sinh năm 1960; tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Đinh P (chết) và bà Trương Thị K (chết); vợ trước Trần Thị Đ (chết); vợ sau Phạm Thị Thu N, sinh năm 1970 và 06 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

8. Trần Văn T, sinh năm 1977; tại tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Thôn L, xã B, thành phố T,

tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Trần T (chết) và bà Ngô Thị T (chết); có vợ Lê Thị Kim Đ, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

9. Hồ Hoàng Bảo L, sinh năm 1971; tại tỉnh Khánh Hòa. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Hồ T, sinh năm 1942 và bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1947; có vợ Hồ Thị Kim L, sinh năm 1973 và 01 con sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra, còn có bị cáo Nguyễn Trung V, được Tạm đình chỉ vụ án do bệnh hiểm nghèo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2008, Trần Sơn H nói với Lương Văn B tìm người có nhu cầu sử dụng giấy phép lái xe giả, môi giới cho H làm, mỗi giấy phép lái xe ô tô hạng C giả (loại có hồ sơ) với giá 11.000.000 đồng, (loại không hồ sơ) với giá 3.000.000 đồng.

Đầu năm 2012, Trần Sơn H nói với Nguyễn Trung V có nhu cầu làm giả giấy phép lái xe mô tô, ô tô, sổ kiểm định, giá mỗi giấy phép lái xe hạng C giả (có hồ sơ) giá 11.000.000 đồng, giá mỗi giấy phép lái xe giả hạng A1 (có hồ sơ) là 800.000 đồng, giá mỗi sổ kiểm định là 3.700.000 đồng.

Lương Văn B thông qua Cao Hoài P nhận làm cho Trần Minh H 01 giấy phép lái xe giả giá: 12.000.000 đồng. Thông qua Cao Hoài P, Phạm Quý T nhận làm cho Đặng Trường G, Lê Phạm D, Trương Minh L, Trần Công T, Võ Thành D, Lê Hùng L, Châu Minh H. P, T và B thỏa thuận giá 15.000.000 đồng/1 giấy. Tổng cộng 08 giấy phép lái xe hạng C loại có hồ sơ là 117.000.000 đồng. P và T đưa cho B 117.000.000 đồng (P 12 triệu, T 105 triệu). B đưa cho H 64.000.000 đồng, B hưởng lợi 53.000.000 đồng. Năm 2012, Phạm Quý T thu hồi giấy phép lái xe hạng C giả và hồ sơ của Đặng Trường G, Lê Phạm D, Trương Minh L, Trần Công T, Võ Thành D, Lê Hùng L, Châu Minh H đưa cho Trần Sơn H làm lại 7 giấy phép lái xe hạng C giả với giá 300.000 đồng/giấy phép lái xe và T đã đưa cho H 2.100.000 đồng.

Phạm Quý T môi giới cho Trần Sơn H làm 03 giấy phép lái xe hạng C giả (loại không có hồ sơ) cho Phạm Minh H, Trần Chí L và một người (không xác định họ, tên, địa chỉ), tổng số tiền 9.000.000 đồng. T đưa cho H 6.000.000 đồng, T hưởng lợi 3.000.000 đồng.

Cao Hoài P môi giới cho Trần Sơn H làm 05 giấy phép lái xe hạng C giả (loại không có hồ sơ) cho Phạm Ngọc T, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Ngọc N, Lê Văn Bách T và một người (không xác định họ, tên, địa chỉ), tổng số tiền 15.500.000 đồng. P đưa cho H 12.500.000 đồng, P hưởng lợi 3.000.000 đồng.

Nguyễn Trung V nhận làm 06 giấy phép (loại có hồ sơ) cho Nguyễn Thanh L, Trương Phạm Minh T, Nguyễn Thế T, Hồ Văn H, Trần Quốc T, Phan Mạnh H và 03 sổ kiểm định cho Lê Việt H, Hoàng Ngọc Anh H, Nguyễn Ngọc T với tổng số tiền 92.100.000 đồng, V đưa cho H 77.100.000 đồng, V hưởng lợi: 15.000.000 đồng.

Nguyễn Hữu T môi giới cho Nguyễn Trung V làm giả 02 giấy phép lái xe (có hồ sơ giả) cho Nguyễn Văn T với giá 13.500.000 đồng; Nguyễn Ngọc T: 13.500.000 đồng. V giao cho H 22.000.000 đồng, V hưởng lợi 5.000.000 đồng .

Võ Hồng C môi giới cho Nguyễn Hữu T nhận làm giả 06 giấy phép lái xe (có hồ sơ giả) cho Võ Hồng S (anh trai C), Võ Hữu H (anh vợ C), Nguyễn Hồng H (cột chèo) Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn L, Nguyễn N (bà con với C), mỗi giấy 15.000.000 đồng. T nhận: 90.000.000 đồng đưa lại cho Nguyễn Trung V 84.000.000 đồng; T hưởng lợi 6.000.000 đồng; V đưa H 66.000.000 đồng, V hưởng lợi 18.000.000 đồng.

Lê Việt H thông qua Nguyễn T môi giới cho V để V đưa cho H làm 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C giả (loại có hồ sơ) cho Hồ Mạnh D, với giá 14.000.000 đồng. Lê Việt H môi giới cho V 02 lần để V đưa cho H làm giấy phép giả (loại có hồ sơ) cho Lê Nguyễn Việt T 11.000.000 đồng và Trần Văn D 12.000.000 đồng. H đưa V 37.000.000 đồng; V đưa H 33.000.000 đồng, V hưởng lợi 4.000.000 đồng.

Nguyễn T môi giới cho V để đưa cho H làm 02 giấy phép lái xe ô tô hạng C giả (loại có hồ sơ) cho Trần Minh T và một người không nhớ rõ họ, tên ở huyện T với giá 13.500.000 đồng/giấy. T đưa V 27.000.000 đồng, V đưa H 22.000.000 đồng, V hưởng lợi 5.000.000 đồng (**Bản án sơ thẩm không nêu phần này**).

Đinh Văn Đ nhờ V đưa cho H làm 02 giấy phép lái xe ô tô hạng C giả (loại có hồ sơ) cho Đinh Văn N (con trai), Lê N (em cột chèo), giá mỗi giấy phép 13.000.000 đồng. Đ đưa cho V 26.000.000 đồng; V đưa H 22.000.000 đồng, hưởng lợi: 4.000.000 đồng

Trần Văn T môi giới cho V đưa cho H làm 02 giấy phép lái xe ô tô hạng C giả (có hồ sơ) cho Trần Văn Đ, Trần Ngọc H (anh trai và cháu ruột của T) giá mỗi giấy phép 13.000.000 đồng. T đưa cho V 26.000.000 đồng; V đưa H 22.000.000 đồng, V hưởng lợi 4.000.000 đồng.

Hồ Hoàng Bảo L môi giới cho V làm cho Hồ Tấn N 01 giấy phép lái xe hạng C giả (loại có hồ sơ) với giá 13.000.000 đồng. V nhận 13.000.000 đồng, đưa cho H 11.000.000 đồng, V hưởng lợi 2.000.000 đồng.

Nguyễn Trung V nhận của Phạm Thị H 1.000.000 đồng và nhận của Nguyễn Trung K 11.000.000 đồng cùng thông tin cá nhân để đưa cho H làm giả 12 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 cho H và cho 11 người V không nhớ họ, tên địa chỉ. V đưa cho H 9.600.000 đồng, V hưởng lợi 2.400.000 đồng.

Tổng cộng V đưa cho H: 284.600.000 đồng, V hưởng lợi: 59.400.000 đồng; B hưởng lợi: 53.000.000 đồng; Quý T hưởng lợi: 3.000.000 đồng; P hưởng lợi: 3.000.000 đồng; Hữu T hưởng lợi: 6.000.000 đồng; H hưởng lợi: 384.600.000 đồng.

Mỗi bị cáo H, B, Quý T đã giao nộp khắc phục hậu quả: 3.000.000 đồng; Hữu T 6.000.000 đồng; P: 2.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo B đã trả cho Đặng Trường G, Lê Phạm D, Trương Minh L, Trần Công T, Võ Thành D, Lê Hùng L, Châu Minh H số tiền 75.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 08/08/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa đã tuyên các bị cáo Trần Sơn H, Lương Văn B, Cao Hoài P, Phạm Quý T, Nguyễn Hữu T, Võ Hồng C, Lê Việt H, Đinh Văn Đ, Trần Văn T và Hồ Hoàng Bảo L phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 267 BLHS 1999; điểm b, s, x khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015; phạt bị cáo Trần Sơn H 03 năm 06 tháng tù; Buộc bị cáo Trần Sơn H phải nộp 126.500.000 đồng.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 267 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; phạt bị cáo Lương Văn B 02 năm 03 tháng tù. Buộc bị cáo Lương Văn B phải tiếp tục nộp 30.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 267 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015; phạt bị cáo Cao Hoài P 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 267 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1 điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS 2015, phạt Phạm Quý T, Nguyễn Hữu T mỗi bị cáo 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 điều 267 BLHS 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 BLHS 2015; phạt bị cáo Võ Hồng C 01 năm 04 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 tháng; Lê Việt H, Đinh Văn Đ, Trần Văn T mỗi bị cáo 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng;

+ Áp dụng khoản 1 điều 341; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS 2015; phạt bị cáo Hồ Hoàng Bảo L 06 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Tạm đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Trung V, do bệnh hiểm nghèo.

Buộc bị cáo Trần Sơn H phải nộp 126.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 32.000.0000 đồng do các bị cáo thu lợi bất chính mà có; Lương Văn B phải tiếp tục nộp 30.000.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước; Cao Hoài P phải nộp 500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.000.000 đồng do các bị cáo nộp theo biên lai số 0000428 ngày 17/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; số tiền 2.500.000 đồng do bị cáo P nộp theo biên lai số 0000446 ngày 20/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13/8/2018, bị cáo Lương Văn B kháng cáo xin hưởng án treo; Ngày 24/9/2018, bị cáo B có đơn kháng cáo bổ sung cho rằng 08 giấy phép lái xe ô tô bị cáo môi giới bị cáo H làm, không được thu thập để giám định nên chưa có căn cứ để xác định giả hay thật. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của các bị cáo để kết tội là chưa đúng pháp luật; Số tiền 75.000.000đ đã trả cho những người nhờ bị cáo mua giấy phép lái xe khi bị công an phát hiện giả, đã yêu cầu những người này trả lại, nhưng cấp sơ thẩm không đề cập và buộc trả lại là thiệt hại cho bị cáo.

- Ngày 22/8/2018, VKSND huyện Sơn Hòa kháng nghị phúc thẩm đề nghị không áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Võ Hồng C, Trần Văn T, Lê Việt H, Đinh Văn Đ; không cho các bị cáo Phạm Quý T, Cao Hoài P, Nguyễn Hữu T, Võ Hồng C, Trần Văn T, Lê Việt H, Đinh Văn Đ hưởng án treo; không áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Hồ Hoàng Bảo L; Buộc bị cáo Trần Sơn H phải nộp **384.600.000đ** tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa, Các bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cấp sơ thẩm, bị cáo Lương Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm có rất nhiều sai sót mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Sơn H đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trang tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bản Kết luận điều tra ngày 25/4/2017 xác định: Trần Sơn H làm giả **43** giấy phép hạng C, 03 sổ kiểm định hưởng lợi **401.000.000** đồng. Trong đó: Lương Văn B môi giới làm giả 08 giấy phép lái xe hạng C; Cao Hoài P môi giới làm giả 05 giấy phép lái xe hạng C; Phạm Quý T môi giới làm giả 03 giấy phép lái xe hạng C; Nguyễn Trung V môi giới làm giả **27** giấy phép hạng C và 03 sổ kiểm định.

[1.1] Sau khi Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ số lượng giấy phép V môi giới H làm giả. Bản Kết luận điều tra ngày 17/10/2017 Cơ quan điều tra đã xác định: *Có cơ sở xác định Nguyễn Trung V môi giới Trần Sơn H làm giả 22 giấy phép lái xe giả (BL1797).* Nhưng Cơ quan điều tra không giảm trừ số lượng giấy phép H, V làm giả mà vẫn kết luận: *Trần Sơn H làm giả 43 giấy phép hạng C, 03 sổ kiểm định. Trong đó: Lương Văn B môi giới làm giả 08 giấy phép; Cao Hoài P môi giới làm giả 05 giấy phép; Phạm Quý T môi giới làm giả 03 giấy phép; Nguyễn Trung V thông qua Trần Văn T, Đinh Văn Đ, Lê Việt H, Võ Hồng C, Nguyễn Hữu T,*

Hồ Hoàng Bảo L, Nguyễn T môi giới H làm giả 27 giấy phép hạng C, 03 sổ kiểm định và kết luận **không đủ căn cứ xác định H nhận đủ V 253.100.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét (BL1802)**". Như vậy, giữa phần nội dung và phần kết luận điều tra đã có sự mâu thuẫn với nhau về số lượng giấy phép lái xe hạng C Nguyễn Trung V môi giới cho Trần Sơn H làm giả, dẫn đến việc quy kết Nguyễn Trung V môi giới cho Trần Sơn H làm giả giấy phép lái xe hạng C không chính xác.

[1.2] Qua kiểm tra phần nội dung kết luận điều tra thấy: Số lượng giấy phép do các bị cáo V, B, Quý T, P môi giới cho H làm giả chỉ có 37 giấy phép. Trong số này Cơ quan điều tra chỉ xác định được tên, địa chỉ của 35 người sử dụng giấy phép giả do H làm; thu hồi, trưng cầu giám định được 29 giấy phép; còn 02 trường hợp không xác định được tên, địa chỉ người sử dụng giấy phép nên không thu hồi được giấy phép để giám định. Nhưng Cơ quan điều tra căn cứ vào lời khai của các bị cáo H, P, B, Quý T để kết luận H làm giả giấy phép lái xe cho 37 trường hợp là chưa đảm bảo căn cứ vững chắc.

[1.3] Đối với 07 giấy phép lái xe Lương Văn B thông qua Cao Hoài P, Phạm Quý T môi giới cho H làm giả. Khi các giấy phép hết hạn, Quý T thu lại để đưa cho H làm giả 07 giấy phép mới và các giấy phép này đã thu hồi giám định, xác định giả (07 giấy phép cũ không thu hồi). Như vậy, Quý T 03 lần môi giới H làm giả 18 giấy phép, nhưng cấp sơ thẩm chỉ quy kết Quý T môi giới làm giả 11 giấy phép là bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo Quý T, H; dẫn đến việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo không tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện.

[2] Nội dung Bản Cáo trạng nêu H làm giả 40 giấy phép lái xe hạng C, tính cả 03 trường hợp Cơ quan điều tra kết luận; chưa đủ căn cứ xác định và 02 trường hợp không xác định được tên, địa chỉ người sử dụng giấy phép giả và 03 sổ kiểm định hưởng lợi 383.100.000 đồng; trong đó xác định V môi giới làm giả 24 giấy phép lái xe hạng C và 03 sổ kiểm định hưởng lợi 57.000.000 đồng. Nhưng kết luận của Cáo trạng lại xác định: H làm giả 32 giấy phép lái xe hạng C, 03 sổ kiểm định và 19 hồ sơ giấy phép lái xe giả, đã thu lợi bất chính 350.000.000 đồng; Lương Văn B môi giới làm giả 06 giấy phép lái xe hạng C thu lợi 29.000.000 đồng; Cao Hoài P môi giới làm giả 04 giấy phép lái xe hạng C thu lợi 3.000.000 đồng; Phạm Quý T môi giới làm giả 12 giấy phép lái xe hạng C thu lợi 3.300.000 đồng; Nguyễn Trung V môi giới làm giả 21 giấy phép hạng C và 03 sổ kiểm định thu lợi 67.000.000 đồng. Do đó, phần nội dung và kết luận của Cáo trạng mâu thuẫn với nhau về số liệu; không những thế số liệu giữa kết luận điều tra với kết luận truy tố cũng mâu thuẫn với nhau, trong đó có số lượng làm giả giấy phép lái xe mà bị cáo bị truy tố nhiều hơn số lượng kết luận điều tra nhưng không nêu rõ lý do.

[3] Đối với Bản án sơ thẩm, phần nội dung không nêu đầy đủ hành vi phạm tội của các bị cáo H, V như cáo trạng truy tố; cụ thể: Không nêu 02 trường hợp Nguyễn T môi giới V nhận đưa H làm giấy phép giả. Nhưng án sơ thẩm vẫn kết luận bị cáo H làm giả 37 giấy phép lái xe và 03 sổ kiểm định; trong đó, nhận làm của Nguyễn Trung V 21 giấy phép và 03 sổ kiểm định, nhận làm của Lương Văn B 08 giấy phép,

nhận làm của Cao Hoài P **05** giấy phép, nhận làm của Phạm Quý T **03** giấy phép. Như vậy, án sơ thẩm đã kết luận số lượng giấy phép của bị cáo H làm giả cao hơn kết luận Cáo trạng truy tố **05** giấy phép, đồng thời không xét đến **19** hồ sơ giấy phép lái xe H làm giả như Cáo trạng truy tố; là những sai sót rất nghiêm trọng, trong đó có nội dung xét xử vượt quá giới hạn truy tố.

[4] Mặt khác, Lương Văn B thông qua Cao Hoài P, Phạm Quý T môi giới cho Trần Sơn H làm giả 08 giấy phép lái xe ô tô hạng C; khi 07 giấy hết hạn, bị cáo T thu đưa H làm lại. Đối với 07 giấy phép làm giả mới này, bị cáo B có tham gia hay không? Cần điều tra làm rõ. Trong 08 giấy bị cáo B tham gia làm giả, chỉ có 01 giấy được thu hồi và trưng cầu giám định, xác định giả (Trần Minh H - BL 704), còn lại 07 giấy phép không thu hồi giám định được. Việc cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo B, P, Quý T, H để quy kết bị cáo B môi giới làm giả 08 giấy phép lái xe, với tình tiết định khung “Phạm tội nhiều lần” theo điểm b khoản 2 điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, khi chưa áp dụng đầy đủ các biện pháp nghiệp vụ là chưa vững chắc.

[5] Ngoài ra, sau khi bị công an phát hiện giấy phép giả, bị cáo B đưa lại cho bị cáo T 75.000.000 đồng để trả lại cho những người mua giấy phép lái xe giả bị phát hiện, gồm: Đặng Trường G, Lê Phạm D, Trương Minh L, Trần Công T, Võ Thành D, Lê Hùng L, Châu Minh H. Cũng như bị cáo B, bị cáo V đã trả lại cho: Hồ Văn H 6.000.000 đồng, Phạm Mạnh H 8.000.000 đồng, Trần Quốc T 3.000.000 đồng, Hồ Tấn N 3.000.000 đồng. Nhưng cấp sơ thẩm không buộc những người có nghĩa vụ liên quan trên nộp lại để giải quyết theo quy định của pháp luật (*Số tiền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhờ các bị cáo thông qua bị cáo H để mua giấy pháp lái xe giả, phải bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước; trong số tiền này các bị cáo B, V hưởng lợi bất chính một phần chênh lệch, phần còn lại các bị cáo đều đưa cho bị cáo H; việc bị cáo B, bị cáo V vừa phải trả cho những người nhờ mua giấy phép lái xe hạng C giả, vừa cùng bị cáo H phải nộp sung quỹ Nhà nước khoản tiền thu lợi bất chính, thực chất là tiền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhờ mua giấy phép lái xe giả, sẽ dẫn đến việc một khoản tiền nhưng bị cáo B, bị cáo V phải nộp hai lần*), đồng thời không giảm trừ số tiền thu lợi bất chính cho các bị cáo là thiếu sót, làm thiệt hại cho các bị cáo.

[6] Với những sai sót như: Có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội, vi phạm về giới hạn xét xử và điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Nhưng người bào chữa lại đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có cơ sở, nên không chấp nhận; mà chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[7] Do hủy toàn bộ bản án nên yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lương Văn B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa không xem xét.

[8] Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số: 14/2018/HSST ngày 08/08/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, để điều tra lại.

Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết thuộc thẩm quyền.

Do huỷ toàn bộ bản án nên yêu cầu kháng cáo của Lương Văn B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa không xem xét.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA cấp cao (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (2)
- TAND huyện Sơn Hòa (2)
- CA huyện Sơn Hòa (1)
- PV 27 (1)
- Sở tư pháp tỉnh (1)
- Bị cáo, bị hại (2)
- Lưu AV, lưu HS (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng

Phú Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 06 tháng 11 năm 2018;

Tại phòng nghị án – Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các thẩm phán: Ông Phạm Tấn Hoàng và ông Lê Ngọc Minh.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 83/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 đối với:

Trần Sơn Hải (tên gọi khác: Trần Văn Mỹ; Hải Sơn; Hải Rau Câu), sinh năm 1955; tại tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 21, khu vực 4, phường Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; cùng đồng phạm;

Đã bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa xử phạt về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 2 điều 267 BLHS 1999; điểm b, s, x khoản 1 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015; với mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù; buộc bị cáo Trần Sơn Hải phải nộp 126.500.000 đồng để sung quỹ nhà nước, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 299, 326, 354 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN HÌNH SỰ NHƯ SAU:**

1. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

* Các thẩm phán cùng thống nhất ý kiến:

Bản Kết luận điều tra ngày 25/4/2017 xác định: Trần Sơn Hải làm giả **43** giấy phép hạng C, 03 sổ kiểm định hưởng lợi **401.000.000** đồng. Trong đó: Lương Văn

Bình môi giới làm giả 08 giấy phép lái xe hạng C; Cao Hoài Phương môi giới làm giả 05 giấy phép lái xe hạng C; Phạm Quý Thắng môi giới làm giả 03 giấy phép lái xe hạng C; Nguyễn Trung Viên môi giới làm giả 27 giấy phép hạng C và 03 sổ kiểm định.

Sau khi Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ số lượng giấy phép Viên môi giới Hải làm giả. Bản Kết luận điều tra ngày 17/10/2017 Cơ quan điều tra đã xác định: *Có cơ sở xác định Nguyễn Trung Viên môi giới Trần Sơn Hải làm giả 22 giấy phép lái xe giả (BL1797).* Nhưng Cơ quan điều tra không giảm trừ số lượng giấy phép Hải, Viên làm giả mà vẫn kết luận: *Trần Sơn Hải làm giả 43 giấy phép hạng C, 03 sổ kiểm định. Trong đó: Lương Văn Bình môi giới làm giả 08 giấy phép; Cao Hoài Phương môi giới làm giả 05 giấy phép; Phạm Quý Thắng môi giới làm giả 03 giấy phép; Nguyễn Trung Viên thông qua Trần Văn Tâm, Đinh Văn Đạo, Lê Việt hùng, Võ Hồng Cường, Nguyễn Hữu Tân, Hồ Hoàng Bảo Lợi, Nguyễn Tấn môi giới Hải làm giả 27 giấy phép hạng C, 03 sổ kiểm định và kết luận không đủ căn cứ xác định Hải nhận đủ Viên 253.100.000đ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét (BL1802)*". Như vậy, giữa phần nội dung và phần kết luận điều tra đã có sự mâu thuẫn với nhau về số lượng giấy phép lái xe hạng C Nguyễn Trung Viên môi giới cho Trần Sơn Hải làm giả, dẫn đến việc quy kết Nguyễn Trung Viên môi giới cho Trần Sơn Hải làm giả giấy phép lái xe hạng C không chính xác.

Qua kiểm tra phần nội dung kết luận điều tra thấy: Số lượng giấy phép do các bị cáo Viên, Bình, Thắng, Phương môi giới cho Hải làm giả chỉ có 37 giấy phép. Trong số này Cơ quan điều tra chỉ xác định được tên, địa chỉ của 35 người sử dụng giấy phép giả do Hải làm; thu hồi, trưng cầu giám định được 29 giấy phép; còn 02 trường hợp không xác định được tên, địa chỉ người sử dụng giấy phép nên không thu hồi được giấy phép để giám định. Nhưng Cơ quan điều tra căn cứ vào lời khai của các bị cáo Hải, Phương, Bình, Thắng để kết luận Hải làm giả giấy phép lái xe cho 37 trường hợp là chưa đảm bảo căn cứ vững chắc.

Đối với 07 giấy phép lái xe Lương Văn Bình thông qua Cao Hoài Phương, Phạm Quý Thắng môi giới cho Hải làm giả. Khi các giấy phép hết hạn, Thắng thu lại để đưa cho Hải làm giả 07 giấy phép mới và các giấy phép này đã thu hồi giám định xác định giả (07 giấy phép cũ không thu hồi). Như vậy, Thắng 03 lần môi giới Hải làm giả 18 giấy phép, nhưng cấp sơ thẩm chỉ quy kết Thắng môi giới làm giả 11 giấy phép là bỏ lọt hành vi phạm tội của bị cáo Thắng, Hải; dẫn đến việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo không tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện.

Nội dung Bản Cáo trạng nêu Hải làm giả 40 giấy phép lái xe hạng C, tính cả 03 trường hợp Cơ quan điều tra kết luận; chưa đủ căn cứ xác định và 02 trường hợp

không xác định được tên, địa chỉ người sử dụng giấy phép giả và 03 số kiểm định hưởng lợi **383.100.000** đồng; trong đó xác định Viên môi giới làm giả **24** giấy phép lái xe hạng C và 03 số kiểm định hưởng lợi **57.000.000** đồng. Nhưng kết luận của Cáo trạng lại xác định: Hải làm giả **32** giấy phép lái xe hạng C, 03 số kiểm định và **19 hồ sơ giấy phép** lái xe giả, đã thu lợi bất chính **350.000.000** đồng; Lương Văn Bình môi giới làm giả **06** giấy phép lái xe hạng C thu lợi 29.000.000 đồng; Cao Hoài Phương môi giới làm giả **04** giấy phép lái xe hạng C thu lợi 3.000.000 đồng; Phạm Quý Thắng môi giới làm giả **12** giấy phép lái xe hạng C thu lợi 3.300.000 đồng; Nguyễn Trung Viên môi giới làm giả **21** giấy phép hạng C và 03 số kiểm định thu lợi **67.000.000** đồng. Do đó, phần nội dung và kết luận của Cáo trạng mâu thuẫn với nhau về số liệu; không những thế số liệu giữa kết luận điều tra với kết luận truy tố cũng mâu thuẫn với nhau, trong đó có số lượng làm giả giấy phép lái xe mà bị cáo bị truy tố nhiều hơn số lượng kết luận điều tra nhưng không nêu rõ lý do.

Đối với Bản án sơ thẩm, phần nội dung không nêu đầy đủ hành vi phạm tội của các bị cáo Hải, Viên như cáo trạng truy tố; cụ thể: Không nêu 02 trường hợp **Nguyễn Tấn** môi giới Viên nhận đưa Hải làm giấy phép giả. Nhưng án sơ thẩm vẫn kết luận bị cáo Hải làm giả **37** giấy phép lái xe và 03 số kiểm định; trong đó, nhận làm của Nguyễn Trung Viên **21** giấy phép và 03 số kiểm định, nhận làm của Lương Văn Bình **08** giấy phép, nhận làm của Cao Hoài Phương **05** giấy phép, nhận làm của Phạm Quý Thắng **03** giấy phép. Như vậy, án sơ thẩm đã kết luận số lượng giấy phép của bị cáo Hải làm giả cao hơn kết luận Cáo trạng truy tố **05** giấy phép, đồng thời không xét đến **19** hồ sơ giấy phép lái xe Hải làm giả như Cáo trạng truy tố; là những sai sót rất nghiêm trọng, trong đó có nội dung xét xử vượt quá giới hạn truy tố.

Mặt khác, Lương Văn Bình thông qua Cao Hoài Phương, Phạm Quý Thắng môi giới cho Trần Sơn Hải làm giả 08 giấy phép lái xe ô tô hạng C; khi 07 giấy hết hạn, bị cáo Thắng thu đưa Hải làm lại. Đối với 07 giấy phép làm giả mới này, bị cáo Bình có tham gia hay không? Cần điều tra làm rõ. Trong 08 giấy bị cáo Bình tham gia làm giả, chỉ có 01 giấy được thu hồi và trưng cầu giám định, xác định giả (Trần Minh Hiếu - BL 704), còn lại 07 giấy phép không thu hồi giám định được. Việc cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo Bình, Phương, Thắng, Hải để quy kết bị cáo Bình môi giới làm giả 08 giấy phép lái xe, với tình tiết định khung “Phạm tội nhiều lần” theo điểm b khoản 2 điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, khi chưa áp dụng đầy đủ các biện pháp nghiệp vụ là chưa vững chắc.

Ngoài ra, sau khi bị công an phát hiện giấy phép giả, bị cáo Bình đưa lại cho bị cáo Thắng 75.000.000 đồng để trả lại cho những người mua giấy phép lái xe giả bị phát hiện, gồm: Đặng Trường Giang, Lê Phạm Duy, Trương Minh Lân, Trần Công Thành, Võ Thành Duy, Lê Hùng Linh, Châu Minh Hiền. Cũng như bị cáo Bình, bị

cáo Viên đã trả lại cho: Hồ Văn Hưng 6.000.000 đồng, Phạm Mạnh Hội 8.000.000 đồng, Trần Quốc Tuấn 3.000.000 đồng, Hồ Tấn Nghĩa 3.000.000 đồng. Nhưng cấp sơ thẩm không buộc những người có nghĩa vụ liên quan trên nộp lại để giải quyết theo quy định của pháp luật (*Số tiền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhờ các bị cáo thông qua bị cáo Hải để mua giấy phép lái xe giả phải bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước; trong số tiền này các bị cáo Bình, Viên hưởng lợi bất chính một phần chênh lệch, phần còn lại các bị cáo đều đưa cho bị cáo Hải; việc bị cáo Bình, bị cáo Viên vừa phải trả cho những người nhờ mua giấy phép lái xe hạng C giả, vừa cùng bị cáo Hải phải nộp sung quỹ Nhà nước khoản tiền thu lợi bất chính, thực chất là tiền người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhờ mua giấy phép lái xe giả, sẽ dẫn đến việc một khoản tiền nhưng bị cáo Bình, bị cáo Viên phải nộp hai lần*), đồng thời không giảm trừ số tiền thu lợi bất chính cho các bị cáo là thiếu sót, làm thiệt hại cho các bị cáo.

Với những sai sót như: Có dấu hiệu bỏ lọt hành vi phạm tội, vi phạm về giới hạn xét xử và điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Nhưng người bào chữa lại đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có cơ sở, nên không chấp nhận; mà chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

* Thẩm phán CTPT thống nhất ý kiến của 02 Thẩm phán.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Điều luật áp dụng:

* Các thẩm phán cùng thống nhất ý kiến:

Căn cứ khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

* Thẩm phán CTPT thống nhất ý kiến của 02 Thẩm phán.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Quyết định:

* Các thẩm phán cùng thống nhất ý kiến:

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 14/2018/HSST ngày 08/08/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, để điều tra lại.

Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết thuộc thẩm quyền.

Do hủy toàn bộ bản án nên yêu cầu kháng cáo của Lương Văn Bình và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hòa không xem xét.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

* Thẩm phán CTPT thống nhất ý kiến của 02 Thẩm phán.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày, đã đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe, nhận đúng, ký tên.

Nơi nhận:

- TA cấp cao (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (2)
- TAND huyện Tuy An (2)
- CA huyện Tuy An (1)
- PV 27 (1)
- Sở tư pháp tỉnh (1)
- Bị cáo, bị hại (2)
- Lưu AV, lưu HS (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng